

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH Bắc Giang, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 về sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 05, 06/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 319 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 05, 06/12/2020 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT01	Đỗ Tuấn	Anh	22/04/1998	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt
2	CNTT02	Nguyễn Tuấn	Anh	15/04/1998	Hung Yên	Nam	Kinh	5.5	6.5	Đạt
3	CNTT03	Nguyễn Ngọc	Ánh	12/06/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	7.0	Đạt
4	CNTT05	Nguyễn Mạnh	Dương	08/12/1997	Hải Dương	Nam	Kinh	5.0	6.0	Đạt
5	CNTT06	Hoàng Văn	Đạt	05/04/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	9.5	Đạt
6	CNTT08	Đình Thu	Hà	15/10/1999	Ninh Bình	Nữ	Kinh	7.2	7.0	Đạt
7	CNTT09	Nguyễn Thu	Hằng	11/06/1999	Hà Giang	Nữ	Kinh	7.2	6.5	Đạt
8	CNTT10	Trần Thị Thu	Hằng	07/04/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	9.2	7.5	Đạt
9	CNTT11	Vũ Thị	Hiền	25/04/1999	Ninh Bình	Nữ	Kinh	5.7	5.5	Đạt
10	CNTT13	Đặng Quang	Huy	25/03/1998	Hung Yên	Nam	Kinh	6.7	5.0	Đạt
11	CNTT14	Lâm Quốc	Huy	24/08/2000	Thái Bình	Nam	Kinh	5.5	6.5	Đạt
12	CNTT15	Nguyễn Thị	Huyền	18/02/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5.5	6.0	Đạt
13	CNTT18	Tạ Văn	Khu	27/08/1999	Hải Dương	Nam	Kinh	5.0	5.5	Đạt
14	CNTT20	Trần Đình	Long	01/11/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt
15	CNTT21	Nguyễn Đình	Lộc	24/10/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5.5	5.5	Đạt
16	CNTT22	Trần Thị Hương	Mai	13/06/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.5	Đạt
17	CNTT28	Nguyễn Tuấn	Tú	08/12/1996	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.2	5.0	Đạt
18	CNTT30	Dương Văn	Công	12/02/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	7.0	Đạt
19	CNTT31	Dương Vương	Cường	11/06/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.5	Đạt
20	CNTT32	Nguyễn Trung	Diễm	20/05/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.5	8.0	Đạt
21	CNTT33	Nguyễn Xuân	Diệu	10/08/1986	Thái Bình	Nam	Kinh	7.7	7.0	Đạt
22	CNTT34	Nguyễn Thị Thùy	Dung	13/05/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
23	CNTT35	Hoàng Công	Hà	02/01/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.5	8.0	Đạt
24	CNTT36	Trần Thị	Hạnh	02/11/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	8.5	Đạt
25	CNTT37	Nguyễn Thị	Hằng	26/11/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.0	Đạt
26	CNTT39	Giáp Thị	Hậu	24/09/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.5	Đạt
27	CNTT40	Lương Thị Út	Hiền	08/02/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	8.0	Đạt
28	CNTT41	Tạ Thị	Hoàn	21/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	6.5	Đạt
29	CNTT43	Đỗ Văn	Hùng	25/09/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.0	9.0	Đạt
30	CNTT44	Nguyễn Quỳnh	Hương	25/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	Đạt
31	CNTT45	Hoàng Văn	Khanh	13/08/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	7.5	Đạt
32	CNTT46	Nguyễn Thùy	Linh	30/07/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	6.5	Đạt
33	CNTT47	Nguyễn Văn	Linh	10/06/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.2	8.0	Đạt
34	CNTT51	Nguyễn Việt	Nam	02/10/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.7	8.0	Đạt
35	CNTT52	Hoàng Thị	Nga	01/02/1990	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	8.7	6.5	Đạt
36	CNTT55	Lê Văn	Quý	12/02/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	8.0	Đạt
37	CNTT56	Tạ Quang	Thọ	22/10/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.0	8.0	Đạt
38	CNTT57	Nguyễn Thị Minh	An	05/10/1976	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.0	Đạt
39	CNTT58	Lê Thị Vân	Anh	25/03/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	7.0	Đạt
40	CNTT59	Nguyễn Thị Thanh	Bình	15/10/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	Đạt
41	CNTT60	Lò Thị	Duyên	16/06/1989	Điện Biên	Nữ	Thái	7.5	6.5	Đạt
42	CNTT61	Đào Thu	Hà	05/12/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.7	7.5	Đạt
43	CNTT62	Nguyễn Thị	Hải	20/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	6.5	Đạt
44	CNTT63	Nguyễn Văn	Hải	24/10/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt
45	CNTT64	Ngô Đức	Hoàng	15/11/1994	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	6.5	Đạt
46	CNTT65	Nguyễn Văn	Hùng	22/08/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.2	6.0	Đạt
47	CNTT66	Ngô Thị	Huyền	27/01/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
48	CNTT67	Lê Thị	Hương	12/06/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	6.5	Đạt
49	CNTT69	Bùi Thị	Hường	20/06/1983	Hải Dương	Nữ	Kinh	7.2	7.0	Đạt
50	CNTT71	Lê Hồng	Khang	01/09/1980	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.7	7.0	Đạt
51	CNTT73	Hoàng Thị Thùy	Linh	20/11/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	6.5	Đạt
52	CNTT74	Phan Thị Diệu	Linh	04/04/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	9.2	7.5	Đạt
53	CNTT76	Trần Thị	Lý	28/11/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.2	7.0	Đạt
54	CNTT79	Nguyễn Tiến	Ngọc	21/08/1994	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.0	Đạt
55	CNTT80	Võ Thị Ánh	Ngọc	24/06/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	Đạt
56	CNTT83	Phạm Thị Yến	Nhi	07/05/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	6.0	Đạt
57	CNTT84	Diêm Thị Hoàng	Anh	13/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	7.5	Đạt
58	CNTT85	Dương Thị Kim	Anh	08/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	7.0	Đạt
59	CNTT86	Dương Thị Việt	Anh	30/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	6.0	Đạt
60	CNTT87	Nguyễn Duy	Anh	09/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	6.5	Đạt
61	CNTT88	Nguyễn Hoàng	Anh	05/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
62	CNTT89	Trần Thị	Như	04/11/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	7.0	Đạt
63	CNTT94	Thân Văn	Quang	27/07/1979	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.2	8.0	Đạt
64	CNTT95	Trần Thị	Quyên	15/04/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	7.0	Đạt
65	CNTT96	Nguyễn Thu	Thanh	03/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.5	Đạt
66	CNTT98	Vũ Trung	Thành	05/06/1986	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	7.0	Đạt
67	CNTT101	Đinh Thị Thu	Thùy	17/06/1983	Tuyên Quang	Nữ	Tày	7.5	7.0	Đạt
68	CNTT102	Nguyễn Văn	Thư	02/03/1977	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	6.5	Đạt
69	CNTT103	Đặng Văn	Tính	05/02/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	6.5	Đạt
70	CNTT104	Nguyễn Thị Thu	Trang	24/01/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	6.5	Đạt
71	CNTT106	Trịnh Thanh	Tùng	14/01/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.5	Đạt
72	CNTT107	Nguyễn Thanh	Tuyền	23/10/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	7.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
73	CNTT108	Nguyễn Quốc	Vĩnh	16/08/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt
74	CNTT110	Dương Thị Huệ	Anh	04/04/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.0	Đạt
75	CNTT111	Nguyễn Thị Hải	Anh	29/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.5	Đạt
76	CNTT112	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	25/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.0	Đạt
77	CNTT113	Nguyễn Tuấn	Anh	06/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	Đạt
78	CNTT114	Ngô Thị	Ánh	11/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.0	Đạt
79	CNTT115	Nguyễn Ngọc	Ánh	12/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	5.0	Đạt
80	CNTT116	Đỗ Xuân	Bắc	15/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.5	Đạt
81	CNTT117	Nguyễn Văn	Bằng	06/05/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	5.5	Đạt
82	CNTT118	Nguyễn Thị Hòa	Bình	16/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	5.0	Đạt
83	CNTT120	Diêm Thị Thùy	Chang	29/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.5	Đạt
84	CNTT121	Nguyễn Minh	Châu	01/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt
85	CNTT122	Nguyễn Thị	Chí	04/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	5.5	Đạt
86	CNTT123	Nguyễn Ngọc	Chiều	21/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	6.0	Đạt
87	CNTT124	Nguyễn Thị	Chúc	18/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	5.0	Đạt
88	CNTT125	Đỗ Văn	Chung	13/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.0	Đạt
89	CNTT126	Nguyễn Văn	Chung	13/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	Đạt
90	CNTT127	Nguyễn Tấn	Dũng	04/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.0	Đạt
91	CNTT128	Đỗ Mạnh	Duy	17/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
92	CNTT129	Nguyễn Đình	Đạt	27/09/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	Đạt
93	CNTT130	Phạm Văn	Đạt	09/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	Đạt
94	CNTT131	Trần Thị	Định	20/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.0	Đạt
95	CNTT132	Trần Văn	Độ	06/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.5	Đạt
96	CNTT133	Nguyễn Thị Lan	Hương	05/10/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	Đạt
97	CNTT134	Nguyễn Thị	Mai	11/12/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	7.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
98	CNTT135	Trần Thị Huyền	Trang	08/08/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	7.0	Đạt
99	CNTT136	Nguyễn Thị	Trịnh	06/08/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.2	7.0	Đạt
100	CNTT137	Nguyễn Văn	Được	07/09/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	Đạt
101	CNTT138	Giáp Thị Hương	Giang	02/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.5	Đạt
102	CNTT139	Dương Ngọc	Hà	18/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.0	Đạt
103	CNTT140	Nguyễn Thị	Hà	12/10/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.0	Đạt
104	CNTT141	Tạ Thị	Hà	24/01/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.5	Đạt
105	CNTT142	Nguyễn Thị	Hạ	20/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	6.0	Đạt
106	CNTT143	Nguyễn Văn	Hải	10/06/2003	Bình Dương	Nam	Kinh	5.2	5.0	Đạt
107	CNTT144	Nguyễn Văn	Hải	15/11/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	Đạt
108	CNTT145	Đoàn Bá	Hảo	09/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.0	Đạt
109	CNTT146	Nguyễn Thị	Hằng	23/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.5	Đạt
110	CNTT147	Nguyễn Thị Thu	Hằng	28/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.5	Đạt
111	CNTT148	Đỗ Văn	Hậu	05/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	Đạt
112	CNTT149	Lê Thị	Hiên	10/11/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.5	Đạt
113	CNTT150	Đàm Văn	Hiên	27/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.0	Đạt
114	CNTT151	Nguyễn Văn	Hiên	14/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	Đạt
115	CNTT152	Nguyễn Thị Thanh	Hiên	19/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.0	Đạt
116	CNTT153	Giáp Thị	Hiệp	26/05/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.0	Đạt
117	CNTT154	Nguyễn Xuân	Hiệp	25/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.0	Đạt
118	CNTT155	Đỗ Văn	Hiếu	22/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.5	Đạt
119	CNTT156	Nguyễn Bá	Hiếu	11/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.5	Đạt
120	CNTT157	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.0	Đạt
121	CNTT158	Nguyễn Hữu	Hiếu	08/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	Đạt
122	CNTT159	Nguyễn Thị Hương	Hoa	01/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
123	CNTT160	Nguyễn Xuân	Hoa	05/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.0	Đạt
124	CNTT161	Nguyễn Bá	Hòa	14/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	Đạt
125	CNTT162	Đỗ Thị Thanh	Hoài	18/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.5	Đạt
126	CNTT163	Đỗ Tổ	Hoài	02/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.5	Đạt
127	CNTT164	Vũ Thị	Hoài	12/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.5	Đạt
128	CNTT165	Đặng Duy	Hoan	11/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
129	CNTT166	Đỗ Văn	Hoàng	12/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	Đạt
130	CNTT167	Nguyễn Huy	Hoàng	27/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	6.0	Đạt
131	CNTT168	Bùi Thị	Huệ	27/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	6.0	Đạt
132	CNTT169	Hoàng Quốc	Hùng	13/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
133	CNTT170	Nguyễn Việt	Hùng	26/06/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
134	CNTT171	Đỗ Gia	Huy	03/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
135	CNTT172	Lê Thị	Huyền	05/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt
136	CNTT173	Nguyễn Thu	Huyền	08/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.5	Đạt
137	CNTT174	Nguyễn Thị	Hương	16/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
138	CNTT175	Nguyễn Thị	Hương	10/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.5	Đạt
139	CNTT176	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	03/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.5	Đạt
140	CNTT177	Bùi Thị	Hường	08/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.5	Đạt
141	CNTT178	Dương Thị	Hường	07/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.0	Đạt
142	CNTT179	Lê Thị	Hường	29/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt
143	CNTT180	Nguyễn Đình	Hường	16/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
144	CNTT181	Đỗ Đức	Hữu	13/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
145	CNTT182	Phạm Thị Hải	Khánh	02/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.5	Đạt
146	CNTT183	Nguyễn Ngọc	Kiên	02/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	6.0	Đạt
147	CNTT184	Nguyễn Văn	Kiên	21/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
148	CNTT185	Phạm Văn	Kim	11/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
149	CNTT186	Thân Thị	Lan	23/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.0	Đạt
150	CNTT187	Nguyễn Thị	Lệ	11/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.5	Đạt
151	CNTT188	Dương Thị Thùy	Linh	07/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	6.0	Đạt
152	CNTT189	Lương Văn	Linh	16/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt
153	CNTT190	Nguyễn Thùy	Linh	27/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.0	Đạt
154	CNTT191	Nguyễn Văn	Linh	23/05/2003	Bình Dương	Nam	Kinh	5.7	6.0	Đạt
155	CNTT192	Phạm Thị	Linh	01/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	6.0	Đạt
156	CNTT193	Phạm Thị	Linh	20/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
157	CNTT194	Phạm Thị	Loan	14/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	6.0	Đạt
158	CNTT195	Nguyễn Văn	Long	10/04/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
159	CNTT196	Trần Văn	Long	22/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.0	Đạt
160	CNTT197	Nguyễn Thị	Lụa	24/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.0	Đạt
161	CNTT198	Nguyễn Thị	May	23/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.5	Đạt
162	CNTT199	Nguyễn Quang	Minh	14/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	Đạt
163	CNTT200	Phạm Văn	Minh	23/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	6.0	Đạt
164	CNTT201	Nguyễn Thị	My	11/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	5.5	Đạt
165	CNTT202	Hà Duy	Nam	07/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	Đạt
166	CNTT203	Nguyễn Công	Nam	18/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	Đạt
167	CNTT204	Nguyễn Hoài	Nam	23/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	6.0	Đạt
168	CNTT205	Nguyễn Thanh	Nam	12/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	6.0	Đạt
169	CNTT206	Nguyễn Văn	Nam	25/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	6.0	Đạt
170	CNTT207	Nguyễn Viết	Nam	21/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.0	Đạt
171	CNTT208	Lê Thị	Nga	21/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.5	Đạt
172	CNTT209	Nguyễn Thị Thu	Nga	12/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
173	CNTT210	Nguyễn Trọng	Nghĩa	07/09/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	6.5	Đạt
174	CNTT211	Nguyễn Thị	Ngoan	21/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	6.0	Đạt
175	CNTT212	Lương Hoàng	Nguyên	13/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	6.0	Đạt
176	CNTT213	Nguyễn Quang	Nguyên	02/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
177	CNTT214	Nguyễn Thị	Nhung	14/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	6.0	Đạt
178	CNTT215	Hoàng Thị	Nụ	16/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.0	Đạt
179	CNTT216	Đỗ Danh	Phi	26/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	Đạt
180	CNTT217	Nguyễn Thị	Phương	29/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.0	Đạt
181	CNTT218	Nguyễn Thu	Phương	18/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt
182	CNTT219	Trần Thị Thanh	Phương	23/11/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	5.5	Đạt
183	CNTT220	Vũ Minh	Quang	06/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.0	Đạt
184	CNTT221	Nguyễn Hồng	Quân	22/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	6.0	Đạt
185	CNTT222	Nguyễn Văn	Quý	12/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.0	Đạt
186	CNTT223	Tổng Thị	Quyên	31/03/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	5.0	Đạt
187	CNTT224	Bùi Xuân	Quyên	21/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.0	Đạt
188	CNTT225	Nguyễn Thị	Sáu	01/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	5.5	Đạt
189	CNTT226	Nguyễn Văn	Sĩ	03/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	Đạt
190	CNTT227	Nguyễn Văn	Sơn	01/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.0	Đạt
191	CNTT228	Nguyễn Thị Minh	Thanh	10/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.0	Đạt
192	CNTT229	Lương Văn	Thành	21/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.0	Đạt
193	CNTT230	Nguyễn Văn	Thắng	12/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.0	Đạt
194	CNTT231	Nguyễn Ngọc	Thế	23/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	Đạt
195	CNTT232	Đỗ Thị	Thơm	27/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.0	Đạt
196	CNTT233	Nguyễn Thị	Thơm	18/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	5.5	Đạt
197	CNTT234	Thân Văn	Thuận	07/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
198	CNTT235	Đỗ Thị Thu	Thủy	20/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.0	Đạt
199	CNTT236	Lê Xuân	Thủy	10/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	Đạt
200	CNTT237	Ngô Xuân	Thủy	26/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
201	CNTT238	Bùi Thị	Thư	16/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.0	Đạt
202	CNTT239	Nguyễn Đức	Thường	30/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
203	CNTT240	Nguyễn Văn	Tiến	31/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
204	CNTT241	Nguyễn Xuân	Tiến	30/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt
205	CNTT242	Phạm Văn	Tiến	08/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	6.0	Đạt
206	CNTT243	An Văn	Tiền	21/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt
207	CNTT244	Phạm Thị	Tình	11/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.5	Đạt
208	CNTT245	Diêm Đức	Toán	17/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	6.0	Đạt
209	CNTT246	Ngô Văn	Tới	10/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	Đạt
210	CNTT247	Tổng Văn	Tới	30/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	6.0	Đạt
211	CNTT248	Hà Huyền	Trang	27/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.5	Đạt
212	CNTT249	Nguyễn Thị	Trang	12/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	5.0	Đạt
213	CNTT250	Nguyễn Thị Huyền	Trang	04/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	6.0	Đạt
214	CNTT251	Nguyễn Như	Triều	09/03/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.0	Đạt
215	CNTT252	Nguyễn Xuân	Trinh	02/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
216	CNTT253	Nguyễn Công	Trọng	29/01/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	6.0	Đạt
217	CNTT254	Nguyễn Xuân	Trường	05/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	Đạt
218	CNTT255	Trương Viết	Trường	17/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt
219	CNTT256	Nguyễn Công	Tú	16/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	Đạt
220	CNTT257	Trần Việt	Tú	20/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	Đạt
221	CNTT258	Trần Thanh	Tuân	06/06/2003	Thái Bình	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
222	CNTT259	Đỗ Anh	Tuấn	14/12/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
223	CNTT260	Trần Anh	Tùng	16/08/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5.0	5.5	Đạt
224	CNTT261	Nguyễn Văn	Tuyền	06/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.5	Đạt
225	CNTT262	Ngô Thị	Vân	19/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
226	CNTT263	Hoàng Văn	Việt	25/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt
227	CNTT264	Trần Văn Quốc	Việt	14/12/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	6.0	Đạt
228	CNTT265	Đỗ Văn	Vững	22/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.0	Đạt
229	CNTT266	Hoàng Hải	Yến	15/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.5	Đạt
230	CNTT267	Hồ Thị	Bền	01/01/1978	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	6.0	Đạt
231	CNTT268	Mông Văn	Chiến	08/11/1976	Lạng Sơn	Nam	Mông	7.7	7.0	Đạt
232	CNTT269	Dương Thị	Chính	23/12/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	7.0	Đạt
233	CNTT270	Linh Đức	Cường	06/05/1980	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	6.5	Đạt
234	CNTT272	Lăng Thị Kim	Dung	12/01/1982	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	7.0	Đạt
235	CNTT273	Nguyễn Doãn	Dũng	21/09/1990	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	7.0	Đạt
236	CNTT274	Lục Thùy	Dương	17/07/1980	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	7.0	Đạt
237	CNTT275	Nguyễn Thị	Đào	15/05/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	6.5	Đạt
238	CNTT276	Hoàng Trọng	Điệp	29/07/1989	Lạng Sơn	Nam	Tày	8.0	7.5	Đạt
239	CNTT277	Hoàng Văn	Hoan	05/06/1997	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.5	6.5	Đạt
240	CNTT278	Lương Mạnh	Hoàn	16/11/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	7.0	Đạt
241	CNTT279	Hoàng Thị	Huyền	19/05/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	6.5	Đạt
242	CNTT280	Lục Văn	Huỳnh	26/03/1983	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	7.5	Đạt
243	CNTT281	Hoàng Duy	Khánh	02/09/1983	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.5	7.0	Đạt
244	CNTT282	Nông Thị	Lá	06/12/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	7.5	Đạt
245	CNTT283	Hoàng Thị Mai	Loan	30/12/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	7.0	Đạt
246	CNTT284	Lâm Thị	Lườn	04/10/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	7.5	Đạt
247	CNTT285	Bé Thị	Minh	04/07/1973	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	7.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
248	CNTT286	Hoàng Thị	Nhân	23/11/1979	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	7.5	Đạt
249	CNTT287	Lăng Thị	Phòng	12/08/1984	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	7.0	Đạt
250	CNTT288	Nguyễn Văn	Tài	08/01/1989	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	6.0	Đạt
251	CNTT289	Hứa Văn	Thỏa	17/11/1975	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.5	7.0	Đạt
252	CNTT290	Hoàng Thị	Thơi	20/10/1979	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	7.0	Đạt
253	CNTT291	Nguyễn Xuân	Trường	16/09/1985	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	6.5	Đạt
254	CNTT292	Hồ Thị	Út	28/12/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	7.0	Đạt
255	CNTT293	Linh Thị	Vân	31/10/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	6.5	Đạt
256	CNTT294	Nông Thị	Vân	22/02/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	7.5	Đạt
257	CNTT295	Vy Thị	Xuân	06/02/1968	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8.2	7.0	Đạt
258	CNTT296	Hoàng Minh	Chánh	13/12/1975	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	6.5	Đạt
259	CNTT297	Đặng Quỳnh	Châu	28/03/1987	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.2	6.0	Đạt
260	CNTT298	Linh Văn	Giáp	17/10/1974	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.7	7.0	Đạt
261	CNTT299	Hoàng Thị Phong	Hằng	19/12/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	6.5	Đạt
262	CNTT300	Vi Văn	Hiền	08/02/1987	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	7.0	Đạt
263	CNTT301	Lâm Thị Kim	Huệ	14/03/1984	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8.0	7.0	Đạt
264	CNTT302	Nông Thị	Hường	23/05/1973	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	7.0	Đạt
265	CNTT303	Đàm Thị	In	04/02/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8.0	7.0	Đạt
266	CNTT304	Vi Minh	Khánh	09/03/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	8.0	7.0	Đạt
267	CNTT305	Chu Thúy	Linh	23/07/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	7.5	Đạt
268	CNTT306	Hoàng Thị	Loan	26/03/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	7.0	Đạt
269	CNTT307	Linh Thị	Nguyệt	29/02/1976	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	6.5	Đạt
270	CNTT308	Vy Đa	Rin	31/10/1977	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.2	7.0	Đạt
271	CNTT309	Nguyễn Kim	Thanh	15/07/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	7.5	Đạt
272	CNTT310	Đào Trung	Thành	18/07/1986	Lạng Sơn	Nam	Kinh	8.0	7.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
273	CNTT311	Vi Thị Thu	Thỏa	18/12/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	6.0	Đạt
274	CNTT312	Hoàng Thị Thúy	Thơ	12/04/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	7.0	Đạt
275	CNTT313	Lê Thị Hoài	Thu	09/08/1987	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.7	7.0	Đạt
276	CNTT314	Hoàng Thị Ngọc	Thúy	23/03/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8.2	7.0	Đạt
277	CNTT315	Nông Thị	Thượng	12/12/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	7.0	Đạt
278	CNTT316	Hồ Thị	Tiếp	08/01/1982	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	7.5	Đạt
279	CNTT317	Nguyễn Thị	Tình	12/08/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	7.0	Đạt
280	CNTT318	Đàm Thị	Trâm	12/05/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8.0	7.5	Đạt
281	CNTT319	Hoàng Văn	Tuyển	30/11/1975	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.2	7.0	Đạt
282	CNTT320	Bùi Thị	Tuyển	06/10/1985	Lạng Sơn	Nữ	Mường	7.7	7.0	Đạt
283	CNTT321	Vi Thị Khánh	Vân	05/10/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	6.5	Đạt
284	CNTT322	Nông Thị	Xuân	28/09/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	7.0	Đạt
285	CNTT323	Vy Thúy	Yên	24/10/1972	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	7.0	Đạt
286	CNTT324	Vi Thúy	An	20/05/1967	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	7.0	Đạt
287	CNTT325	Vy Minh	Bang	28/09/1972	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.2	7.5	Đạt
288	CNTT326	Vi Thị	Bình	11/04/1979	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	7.0	Đạt
289	CNTT327	Hoàng Thị	Chung	08/07/1987	Lạng Sơn	Nữ	Dao	7.5	7.0	Đạt
290	CNTT328	Nông Văn	Đạt	10/05/1983	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	6.5	Đạt
291	CNTT329	Chu Văn	Hiển	09/05/1971	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	7.5	Đạt
292	CNTT330	Nguyễn Quang	Hiếu	26/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.5	Đạt
293	CNTT331	Dương Thị	Hòa	01/02/1989	Lạng Sơn	Nữ	Dao	8.0	7.0	Đạt
294	CNTT332	Vy Thị	Hợp	05/12/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	7.0	Đạt
295	CNTT333	Nông Thị	Hung	17/09/1970	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	7.0	Đạt
296	CNTT334	Hoàng Thị	Hương	26/03/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	7.0	Đạt
297	CNTT335	Nông Thị	Hương	15/05/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	7.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
298	CNTT336	Hà Thị Ký	26/10/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8.0	7.0	Đạt
299	CNTT337	Hoàng Việt Long	02/08/1973	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7.2	7.0	Đạt
300	CNTT338	Lý Thị Luyện	07/03/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	6.5	Đạt
301	CNTT339	Triệu Thị Ly	14/09/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	6.5	Đạt
302	CNTT340	Hoàng Thúy Mơ	12/12/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	5.5	Đạt
303	CNTT341	Phan Thị Mơ	02/09/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	5.5	Đạt
304	CNTT342	Luân Thúy Nga	06/11/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	6.0	Đạt
305	CNTT343	Lương Duy Nghĩa	02/03/1979	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	7.0	Đạt
306	CNTT344	Chu Thị Phương	02/07/1967	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	6.0	Đạt
307	CNTT345	Vũ Thị San	12/12/1968	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.2	6.0	Đạt
308	CNTT346	Lộc Quang Thịnh	20/05/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	5.5	Đạt
309	CNTT347	Lành Thị Thống	02/06/1967	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	6.0	Đạt
310	CNTT348	Vi Thị Thơ	03/08/1968	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	6.0	Đạt
311	CNTT349	Hoàng Thị Thơm	24/03/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	6.0	Đạt
312	CNTT350	Đường Thị Thu	23/08/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	5.5	Đạt
313	CNTT351	Lộc Đức Thuận	27/10/1988	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	6.0	Đạt
314	CNTT352	Hoàng Thị Thùy	19/06/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8.0	6.0	Đạt
315	CNTT353	Nông Văn Trung	13/03/1989	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	6.0	Đạt
316	CNTT354	Nông Thị Việt	09/01/1967	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	6.0	Đạt
317	CNTT355	Nguyễn Văn Dân	01/09/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.0	8.0	Đạt
318	CNTT356	Âu Thị Hoa	29/10/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	6.5	Đạt
319	CNTT357	Hoàng Thị Yên	08/01/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	6.0	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 319./.